

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5725/QĐ-UBND

Thanh Trì, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 02/2021/TT-BGDĐT, số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;



Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 3570/SNV-TDQLĐTBD ngày 29/10/2024 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc thẩm định chỉ tiêu và góp ý dự thảo Kế hoạch tuyển dụng viên chức giáo dục huyện Thanh Trì năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 6368/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Thanh Trì về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Thanh Trì; Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện Thanh Trì về việc giao bổ sung biên chế viên chức giáo dục năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện Thanh Trì;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024: Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng: **205** người, cụ thể:

a. Đối với viên chức giáo viên:

Số chỉ tiêu tuyển dụng là: **194**, trong đó:

- Giáo viên Tiểu học hạng III, mã số V.07.03.29: **115** người.
- Giáo viên Trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.32: **79** người.

b. Đối với viên chức nhân viên:

Số chỉ tiêu tuyển dụng là: **11**, trong đó:

- Nhân viên Thư viện, mã số V.10.02.07: **04** người.
- Nhân viên Văn thư, mã số 02.008: **01** người.
- Nhân viên Thiết bị thí nghiệm, mã số V.07.07.20: **06** người.

(Có biểu chỉ tiêu chi tiết kèm theo)

2. Ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024.

3. Hình thức tuyển dụng

Tuyển dụng bằng hình thức thi tuyển 02 vòng theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính – Kế hoạch; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ Hà Nội;
- TT Huyện ủy, HĐND-UBND huyện;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Phong





BIỂU CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2024
Khối Tiểu học

(Kèm theo Quyết định số 5125/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

| STT | Trường | Tổng chỉ tiêu tuyển dụng | Chỉ tiêu Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) | | | | | | | Chỉ tiêu nhân viên | |
|-----|-------------------------------|--------------------------|---|---------|-----------|---------|----------|---------|-------------------|-------------------------|--------------------------------|
| | | | Tổng chỉ tiêu giáo viên | Văn hóa | Tiếng Anh | Âm nhạc | Mỹ thuật | Tin học | Giáo dục thể chất | Tổng chỉ tiêu nhân viên | Công tác Thư viện (V.10.02.07) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | Trường Tiểu học Từ Hiệp | 10 | 10 | 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Trường Tiểu học Ngô Thị Nhâm | 11 | 11 | 7 | 2 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Trường Tiểu học Triều Khúc | 4 | 4 | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Trường Tiểu học Tân Triều | 6 | 6 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 5 | Trường Tiểu học Yên Xá | 6 | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 6 | Trường Tiểu học Ngô Sĩ Kiên | 3 | 3 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Trường Tiểu học Vạn Phúc | 8 | 8 | 6 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 8 | Trường TH B Thị trấn Văn Điển | 3 | 3 | 0 | 1 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Trường Tiểu học Ngọc Hồi | 4 | 4 | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| STT | Trường | Tổng chỉ tiêu tuyển dụng | Chỉ tiêu Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) | | | | | | | | Chỉ tiêu nhân viên | |
|-----|-------------------------------|--------------------------|---|-----------|-----------|----------|----------|----------|-------------------|-------------------------|--------------------------------|--|
| | | | Tổng chỉ tiêu giáo viên | Văn hóa | Tiếng Anh | Âm nhạc | Mỹ thuật | Tin học | Giáo dục thể chất | Tổng chỉ tiêu nhân viên | Công tác Thư viện (V.10.02.07) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 10 | Trường Tiểu học Liên Ninh | 5 | 5 | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | |
| 11 | Trường Tiểu học Đông Mỹ | 4 | 4 | 2 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 12 | Trường Tiểu học Phạm Tu | 5 | 5 | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | |
| 13 | Trường Tiểu học Hữu Hoà | 6 | 6 | 4 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 14 | Trường Tiểu học Đại Áng | 6 | 5 | 4 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | |
| 15 | Trường Tiểu học Đỗ Ngọc Du | 12 | 12 | 10 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | |
| 16 | Trường Tiểu học Vĩnh Quỳnh | 5 | 5 | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 17 | Trường TH A Thị Trấn Văn Điển | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 18 | Trường Tiểu học Vũ Lăng | 5 | 5 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | |
| 19 | Trường Tiểu học Tạ Hoàng Cơ | 6 | 5 | 3 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | |
| 20 | Trường Tiểu học Tam Hiệp | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 21 | Trường Tiểu học Ngũ Hiệp | 3 | 3 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | |
| 22 | Trường Tiểu học Thanh Liệt | 4 | 4 | 2 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | TỔNG CỘNG | 118 | 115 | 75 | 19 | 5 | 4 | 4 | 8 | 3 | 3 | |



BIỂU CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2024
Khối Trung học cơ sở

(Kèm theo Quyết định số 5795/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

| STT | Trưởng | Chỉ tiêu Giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32) | | | | | | | | | | | | | Chỉ tiêu nhân viên | | | | | | |
|-----|-------------------------------|---|----------------|---------|-----------|-------------------|----------|---------|-------------|---------|--------|---------|----------|--------|--------------------|---------|----------|----------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | | Chia ra | | | | | | | | | | | | | Tổng nhân viên | | | | | | |
| | | Tổng chỉ tiêu tuyển dụng | Tổng giáo viên | Ngữ văn | Tiếng Anh | Giáo dục công dân | Toán học | Tin học | GD thể chất | Lịch sử | Địa lý | Hóa học | Sinh học | Vật lý | Công nghệ | Âm nhạc | Mỹ thuật | Tổng nhân viên | Công tác Thư viện (V.10.02.07) | Thiết bị, thí nghiệm (V.07.07.20) | Văn thư (02.008) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) |
| 1 | Trưởng THCS Thị trấn Văn Điển | 4 | 4 | 1 | 1 | | 1 | 1 | | | | | | | | | | 0 | | 1 | |
| 2 | Trưởng THCS Hữu Hòa | 4 | 4 | 2 | | | 1 | | | 1 | | 1 | | | | | | 0 | | | |
| 3 | Trưởng THCS Duyên Hà | 5 | 3 | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | 2 | 1 | 1 | |
| 4 | Trưởng THCS Ngọc Hồi | 4 | 4 | 1 | | | | | | | | | | 1 | 1 | 1 | | 0 | | | |
| 5 | Trưởng THCS Tam Hiệp | 4 | 3 | | | | 1 | | 1 | | | | | | 1 | | | 1 | | 1 | |
| 6 | Trưởng THCS Thanh Liệt | 5 | 5 | | | | | | | | | | 1 | | 1 | 2 | 1 | 0 | | | |
| 7 | Trưởng THCS Liên Ninh | 6 | 6 | 2 | | | 2 | | | | 1 | | | | | 1 | | 0 | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5725/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND huyện Thanh Trì)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Tuyển dụng bổ sung đội ngũ viên chức làm công tác giảng dạy và viên chức phục vụ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì, đảm bảo đúng vị trí việc làm, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu; góp phần xây dựng đội ngũ viên chức ngành giáo dục, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của huyện.

II. Yêu cầu

Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện đảm bảo công khai, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

B. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

+ Tổng số chỉ tiêu biên chế viên chức được giao năm 2024: **2128** người. (Khối Tiểu học: **1164** người; Khối THCS: **964** người);

+ Tổng số biên chế viên chức hiện có: **1809** người. (Khối Tiểu học: **969** người; Khối THCS: **840** người);

+ Số biên chế viên chức còn chưa sử dụng: **319** người (Khối Tiểu học: **195** người; Khối THCS: **124** người).

+ Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng năm 2024: **205** người, cụ thể:

1. Đối với viên chức giáo viên

Số chỉ tiêu tuyển dụng là: **194**, trong đó:

- Giáo viên Tiểu học hạng III, mã số V.07.03.29: **115** người.
- Giáo viên Trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.32: **79** người.

2. Đối với viên chức nhân viên

Số chỉ tiêu tuyển dụng là: **11**, trong đó:

- Nhân viên Thư viện, mã số V.10.02.07: **04** người.
- Nhân viên Văn thư, mã số 02.008: **01** người.
- Nhân viên Thiết bị thí nghiệm, mã số V.07.07.20: **06** người.

C. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, PHIẾU VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

I. Điều kiện và tiêu chuẩn dự tuyển viên chức

1. Điều kiện chung

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định, có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;
- Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2. Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm dự tuyển

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

II. Phiếu đăng ký dự tuyển

1. Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu vào một vị trí việc làm tại một đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng tính trong toàn Huyện (*nếu đăng ký dự tuyển vào từ 2 vị trí trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự tuyển*), người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu; Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển là Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Sau khi có thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến UBND huyện Thanh Trì để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có)... theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

3. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ bị huỷ kết quả trúng tuyển.

III. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2. Người dân tộc thiểu số, sỹ quan quân đội, sỹ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sỹ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sỹ quan dự bị đã đăng ký ngạch sỹ quan dự bị, con liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

4. Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

Trường hợp người dự tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

D. TRÌNH TỰ TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ, TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG, HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

I. Trình tự tiếp nhận Phiếu đăng ký, tổ chức tuyển dụng

1. Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- UBND huyện thành lập Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định.
- Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Trong giờ hành chính từ ngày 18/11/2024 đến 17 giờ ngày 17/12/2024 (trừ thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định).

- Địa điểm: tại Hội trường số 1 (tầng 2 nhà 5 tầng) UBND huyện Thanh Trì (Số 375, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội).

** Lưu ý: Người đăng ký dự tuyển phải trực tiếp nộp phiếu đăng ký dự tuyển (Khi nộp xuất trình Căn cước công dân hoặc các giấy tờ chứng minh), nếu nhờ người khác nộp hộ phải xuất trình giấy ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.*

2. Tổ chức thi tuyển

- Thời gian tổ chức thi tuyển:

(Có lịch tiến độ thời gian tổ chức thi tuyển kèm theo).

- Địa điểm thi: sẽ có thông báo cụ thể sau.

II. Hình thức, nội dung tuyển dụng

1. Hình thức tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện bằng hình thức thi tuyển 02 vòng theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

2. Nội dung tuyển dụng

2.1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung

a) *Hình thức thi:* Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

b) *Nội dung thi:* gồm 02 phần.

- **Phần I:** Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng. Thời gian thi 60 phút.

Trường hợp đã đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức thì được miễn thi Phần I.

- **Phần II:** Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm bằng một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc lựa chọn 01 ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút.

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

c) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

2.2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) *Nội dung thi:* Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- b) Hình thức thi: Thi viết.
- c) Thang điểm: 100 điểm.
- d) Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian chép đề).

III. Xác định người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a. Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b. Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người trúng tuyển là người đạt kết quả thi phần thi kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn (nếu có); đối với trường hợp vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Người có trình độ chuyên môn đăng ký dự tuyển cao hơn;
- Xếp loại tốt nghiệp cao hơn;
- Có điểm học tập trung bình toàn khóa cao hơn;
- Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc đúng vị trí việc làm nhiều hơn;
- Người dự tuyển là Nữ;
- Người có tuổi đời cao hơn.

3. Người không được tuyển dụng trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

E. KINH PHÍ TUYỂN DỤNG

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và ngân sách huyện cấp bổ sung. Căn cứ danh sách người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia dự tuyển được UBND Huyện phê duyệt, Hội đồng tuyển dụng sẽ thông báo thời gian, địa điểm, mức thu phí tuyển dụng đến thí sinh và tổ chức thu theo quy định.

Kinh phí được chi từ lệ phí dự tuyển và nguồn ngân sách Thành phố giao cho UBND Huyện tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội.

Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố và Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội.

G. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân Huyện

Quyết định phê duyệt chỉ tiêu và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức, công bố danh sách người đủ điều kiện dự tuyển kỳ tuyển dụng viên chức.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban giám sát để tổ chức, thực hiện công tác tuyển dụng theo quy định.

- Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024.

- Quyết định tuyển dụng viên chức; hủy bỏ Quyết định tuyển dụng khi không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng làm việc với người trúng tuyển theo quy định.

3. Hội đồng tuyển dụng viên chức

- Thành lập các Ban giúp việc để tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức.

- Lập Kế hoạch chi tiết việc tổ chức thực hiện; thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng viên chức; thông báo công khai để mọi người được biết và thực hiện.

- Tổng hợp kết quả tuyển dụng viên chức, báo cáo UBND Huyện quyết định công nhận kết quả tuyển dụng.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

4. Ban Giám sát kỳ tuyển dụng

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều 36 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

5. Phòng Nội vụ

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng tuyển dụng viên chức; tham mưu giúp Hội đồng tuyển dụng Huyện về tổ chức, thực hiện Kế hoạch tuyển dụng

viên chức; có trách nhiệm thông báo chỉ tiêu, điều kiện, lịch tổ chức tuyển dụng, thời gian, địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trên Cổng thông tin điện tử Huyện, trụ sở UBND Huyện và chỉ đạo, yêu cầu công khai tại đơn vị.

- Kiểm tra, tổng hợp trình UBND Huyện phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện dự tuyển.

- Tham mưu, trình Chủ tịch UBND Huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức; trình Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức thành lập các Ban giúp việc theo quy định.

- Tham mưu quyết định tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển viên chức sau khi có Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng của UBND Huyện.

- Lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí phục vụ cho kỳ tuyển dụng theo quy định.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với phòng Nội vụ hướng dẫn nội dung ôn tập về năng lực, trình độ chuyên môn của ngạch giáo viên, ngạch nhân viên cần tuyển; cử lãnh đạo, chuyên viên Phòng tham gia Hội đồng và các bộ phận giúp việc Hội đồng tuyển dụng.

7. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Bố trí phân bổ kinh phí, hướng dẫn lập dự toán, quyết toán kinh phí phục vụ tuyển dụng viên chức theo quy định.

8. Văn phòng HĐND-UBND Huyện

Tham mưu UBND Huyện chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng làm việc, phòng họp của Hội đồng tuyển dụng, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng; phòng thi theo quy định.

9. Phòng Y tế

Chỉ đạo Trung tâm y tế huyện cử kíp trực tại các địa điểm tổ chức tuyển dụng đảm bảo sức khỏe cho Hội đồng tuyển dụng và thí sinh dự tuyển.

10. Phòng Văn hóa – Thông tin

Phối hợp với Phòng Nội vụ thông báo công khai các văn bản liên quan công tác tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024 trên Cổng Thông tin điện tử Huyện.

11. Thanh tra Huyện

Chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ, các phòng, ban liên quan tham mưu, trình Chủ tịch UBND Huyện quyết định thành lập Ban Giám sát để giám sát toàn bộ quá trình tổ chức tuyển dụng.

12. Công an Huyện

- Có trách nhiệm phối hợp với phòng Nội vụ xác minh bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của thí sinh trúng tuyển tại kỳ thi để phòng ngừa và xử lý theo quy định của pháp luật việc sử dụng bằng cấp, chứng chỉ không đúng quy định.

- Cử người tham gia Ban Giám sát của Huyện để giám sát công tác tuyển dụng viên chức giáo dục; Bảo vệ bài thi theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho hoạt động tuyển dụng.

13. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao Huyện

- Thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng viên chức trên hệ thống Đài phát thanh Huyện và truyền thanh các xã, thị trấn.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND Huyện (qua Phòng Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

TIẾN ĐỘ THỜI GIAN TỔ CHỨC THI TUYỂN

1. Vòng 1 (Thi trắc nghiệm)

| STT | Thời gian | Nội dung công việc | Cơ quan, cá nhân phụ trách |
|-----|---|---|---|
| 1 | Trước ngày 18/11/2024 | - Ban hành và thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024. - Thành lập Tổ tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển; Ban Giám sát; Hội đồng tuyển dụng. | UBND huyện; các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng. |
| 2 | Từ ngày 18/11/2024 đến 17 giờ ngày 17/12/2024 | - Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định; - HĐTD căn cứ tiến độ triển khai kỳ tuyển dụng để thành lập các Ban giúp việc cho phù hợp. | Tổ tiếp nhận phiếu; Ban Giám sát. |
| 3 | Từ ngày 18/12/2024 đến 31/12/2024 | - Tổ chức kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển. - Xét duyệt, lập danh sách người đủ điều kiện dự tuyển. - Thông báo công khai danh sách người đủ điều kiện dự tuyển, người không đủ điều kiện dự tuyển. - Thông báo, tổ chức thu lệ phí đăng ký dự tuyển theo quy định. - Xây dựng và Công bố nội dung tài liệu ôn tập vòng 1. | HĐTD; Ban Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển; Ban Giám sát. |
| 4 | Từ ngày 02/01/2025 đến 08/01/2025 | Thông báo danh sách; triệu tập thí sinh dự thi vòng 1, số lượng phòng thi, danh sách thí sinh, số báo danh, sơ đồ điểm thi. | HĐTD; Ban Giám sát |
| 5 | Từ ngày 09/01/2025 đến ngày 16/01/2025 | - Xây dựng đề thi, đáp án thi Vòng 1. - Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực để tổ chức khai mạc, thi vòng 1. - Xây dựng và Công bố nội dung tài liệu ôn tập vòng 2. | HĐTD; các Ban giúp việc HĐTD; Ban Giám sát; các đơn vị liên quan |
| 6 | Ngày 17/01/2025 | - Tập trung thí sinh, khai mạc kỳ thi, phổ biến quy chế thi và chi tiết lịch thi. - Kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất tại địa điểm thi. | HĐTD; các Ban giúp việc HĐTD; Ban Giám sát; các đơn vị liên quan |
| 7 | Từ ngày 18/01/2025 | - Tổ chức thi vòng 1 (hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính) | HĐTD; các Ban giúp việc HĐTD; Ban Giám sát |
| 8 | Ngày 24/01/2025 | Lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2 | HĐTD; Ban Giám sát |

2. Vòng 2 (Thi viết)

| STT | Thời gian | Nội dung công việc | Cơ quan, cá nhân phụ trách |
|-----|---|---|--|
| 1 | Từ ngày 03/02/2025 đến 14/02/2025 | - Chuẩn bị địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất tổ chức thi. - Thông báo thời gian, địa điểm phòng thi vòng 2. - Xây dựng đề thi, đáp án thi Vòng 2. | HĐTD; Các Ban; Tổ giúp việc; đơn vị đặt địa điểm thi. |
| 2 | 07 giờ 30 phút ngày 15/02/2025 (Thứ bảy) | - Tổ chức thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành (thời gian 180 phút). | HĐTD; các Ban giúp việc HĐTD; Ban Giám sát |
| 3 | Từ ngày 17/02/2025 đến ngày 27/02/2025 | - Tổ chức chấm thi. - Tổng hợp kết quả thi tuyển. - Thông báo kết quả thi vòng 2, thời gian nhận đơn phúc khảo. | HĐTD; các Ban giúp việc HĐTD; Ban Giám sát |
| 4 | Từ ngày 28/02/2025 đến ngày 14/3/2025 | - Nhận Đơn phúc khảo | HĐTD; Tổ giúp việc; Ban Giám sát |
| 5 | Từ ngày 17/3/2025 đến ngày 24/3/2025 | - Tổ chức chấm phúc khảo. - Tổng hợp, công bố kết quả chấm phúc khảo. | HĐTD; các Ban giúp việc HĐTD; Ban Giám sát |
| 7 | Từ ngày 25/3/2025 đến ngày 31/3/2025 | - Tổng hợp, rà soát, báo cáo kết quả tuyển dụng; trình Chủ tịch UBND huyện Quyết định công nhận Kết quả tuyển dụng. - Thông báo kết quả tuyển dụng. | UBND huyện, HĐTD; Ban Giám sát |
| 8 | Từ ngày 01/4/2025 | - Hoàn thiện hồ sơ của các thí sinh trúng tuyển; Ra Quyết định tuyển dụng thí sinh trúng tuyển. - Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng làm việc với thí sinh trúng tuyển; - Tập hợp văn bản lưu trữ hồ sơ tuyển dụng. | UBND huyện; Phòng Nội vụ |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:

(Ảnh 4x6)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam⁽³⁾ Nữ

Dân tộc: Tôn giáo:

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số điện thoại di động: Email:

Quê quán:

.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Thông tin về hộ khẩu (nếu có):

Tình trạng sức khỏe: Chiều cao:; Cân nặng: kg

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH⁽⁴⁾

| | | | |
|----------------|-----------|-----------------------------|---|
| Mối quan hệ | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội) |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

| Tên trường, cơ sở đào tạo cấp | Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ | Trình độ văn bằng, chứng chỉ | Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ | Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm) | Ngành đào tạo | Hình thức đào tạo | Xếp loại bằng, chứng chỉ |
|-------------------------------------|--|--|---|---|---------------------|----------------------------|-----------------------------------|
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

| | |
|--|-----------------------------------|
| Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm | Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác |
| | |
| | |
| | |

V. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Nguyên vọng 1:

- Vị trí việc làm dự tuyển ⁽¹⁾;

- Đơn vị ⁽²⁾:
|

2. Nguyên vọng 2 (Nếu thông báo tuyển dụng không có các vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyên vọng thì thí sinh không điền phần này):

- Vị trí việc làm dự tuyển ⁽¹⁾;

- Đơn vị ⁽²⁾:
|

3. Đăng ký dự thi môn ngoại ngữ (Đối với các vị trí việc làm tại thông báo tuyển dụng không yêu cầu ngoại ngữ thì thí sinh không điền phần này)

3.1. Đăng ký dự thi ngoại ngữ ⁽⁵⁾:

Tiếng Anh Tiếng Nga Tiếng Pháp Tiếng Đức Tiếng Trung Quốc

Ngoại ngữ khác theo yêu cầu vị trí việc làm:

3.2. Miễn thi ngoại ngữ do (nếu có):

4. Đối tượng ưu tiên (nếu có):

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và cam kết hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi nhận được thông báo trúng tuyển.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng;
2. Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký tuyển dụng đối với từng nguyên vọng theo đúng Thông báo tuyển dụng;
3. Tích dấu X vào ô tương ứng;
4. Cha, mẹ đẻ; vợ (chồng); con đẻ; anh, chị, em ruột;
5. Tích dấu X vào ô tương ứng.



PHỤ LỤC
YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ PHÙ HỢP VỚI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP,
VỊ TRÍ VIỆC LÀM DỰ TUYỂN

(Kèm theo Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Trì năm 2024)

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ; Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Ghi chú |
|----|---------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|---|---------|
| I | Khối Tiểu học | | | | | |
| 1 | Giáo viên Cơ bản | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên, ngành: Giáo dục Tiểu học; Sư phạm Tiểu học; Sư phạm Giáo dục tiểu học đối với giáo viên văn hóa khối tiểu học | |
| 2 | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh | |
| 3 | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành | |
| 4 | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành | |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ; Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|--|---------|
| 5 | Giáo viên Tin học | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiêu học theo chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành | |
| 6 | Giáo viên Giáo dục thể chất | Giáo viên Tiểu học hạng III | V.07.03.29 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Giáo dục thể chất. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiêu học theo chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành | |
| 7 | Nhân viên Thư viện | Thư viện viên hạng IV | V.10.02.07 | Hạng IV | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp | |
| II | Khối Trung học cơ sở | | | | | |
| 1 | Giáo viên Ngữ văn | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Ngữ văn | |
| 2 | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh | |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ; Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Ghi chú |
|----|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------|----------------------------|--|---------|
| 3 | Giáo viên Giáo dục công dân | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Giáo dục công dân. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | |
| 4 | Giáo viên Toán học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Toán | |
| 5 | Giáo viên Tin học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | |
| 6 | Giáo viên Giáo dục thể chất | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Giáo dục thể chất. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ; Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Ghi chú |
|----|--|-------------------------|-----------------------------|----------------------------|--|---------|
| 7 | Giáo viên Lịch sử | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Lịch sử. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | |
| 8 | Giáo viên Địa lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Địa lý. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | |
| 9 | Giáo viên Khoa học tự nhiên (môn Hóa học) | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Khoa học tự nhiên hoặc môn Hóa học | |
| 10 | Giáo viên Khoa học tự nhiên (môn Sinh học) | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Khoa học tự nhiên hoặc môn Sinh học | |
| 11 | Giáo viên Khoa học tự nhiên (môn Vật lý) | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Khoa học tự nhiên hoặc môn Vật lý | |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú |
|----|---------------------|-------------------------|-----------------------------|----------------------------|---|
| 12 | Giáo viên Công nghệ | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | <p>Trình độ; Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố</p> <p>Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Công nghệ. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành</p> |
| 13 | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | <p>Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành</p> |
| 14 | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Hạng III | <p>Có bằng đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật. Trường hợp chưa có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành</p> |
| 15 | Nhân viên Thư viện | Thư viện viên hạng IV | V.10.02.07 | Hạng IV | <p>Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp</p> |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ; Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------|--|---------|
| 16 | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm | V.07.07.20 | | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành: Sinh học; Hóa học; Vật lý; Công nghệ Sinh học; Công nghệ môi trường; Địa lý; Kỹ thuật công nghiệp) | |
| 17 | Nhân viên Văn thư | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp | |